

Tập Viết

TIẾNG NHẬT

QUANG ĐẠO

Tập Viết

TIẾNG NHẬT

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Lời nói đầu

Trong những năm trở lại đây, với sự đầu tư mạnh từ các nước bên ngoài, nhu cầu học ngoại ngữ đã trở nên bức thiết. Trong số các ngoại ngữ thông dụng, ngoài tiếng Anh và tiếng Pháp, tiếng Nhật đã đang trở nên phổ biến. Tiếng Nhật là một trong các loại chữ vuông nên việc viết chúng chính xác cũng đòi hỏi nhiều công phu. Để thỏa mãn nhu cầu tập viết tiếng Nhật, chúng tôi đã biên soạn cuốn "Tập viết tiếng Nhật".

Sách được trình bày theo kiểu minh học là chủ yếu. Phần đầu giới thiệu các kiểu chữ tiếng Nhật, nguyên tắc của cách viết chữ trong tiếng Nhật và hệ thống xếp loại các từ then chốt. Phần chính của sách là hướng dẫn viết tiếng Nhật kiểu chữ Kanji. Phần này được trình bày khá chi tiết và dễ hiểu giúp cho việc luyện tập các nét chữ khó trở nên đơn giản hơn.

Hy vọng tập sách này sẽ giúp ích phần nào trong quá trình đầu học tiếng Nhật cũng như nâng cao khả năng viết các kiểu chữ tiếng Nhật.

Chúc các bạn thành công.

Tác giả

CÁC KIỂU CHỮ TIẾNG NHẬT

Học và tìm hiểu ý nghĩa của Tiếng Nhật trong phạm vi tối thiểu

Mẫu chuyện

Bắt đầu câu chuyện cách đây 10 thế kỷ, bạn có thể tưởng tượng mình là một người Nhật, nói tiếng Nhật mà không biết viết (cũng như những dân tộc ở các nước khác trong những ngày đầu tiên khám phá ra chữ viết). Các chữ này rất ít, chỉ đếm vừa đủ đầu các ngón tay, còn một số kiểu chữ Kanji khác chỉ là những từ vay mượn)

Sau đó qua nhiều cuộc tiếp xúc, bạn dần dần khám phá ra một hệ thống của chữ viết. Đó là những từ được mượn từ tiếng Hoa để làm phong phú thêm cho vốn từ của mình. Tiếng Nhật có kiểu chữ viết bắt chước tiếng Hoa, nhưng các ký tự tượng hình đó thì lại hoàn toàn rất khác, nhờ đó mà ta biết cách viết chữ và nghiệm được nhiều cách viết khác nhau. Ví dụ:

Bạn có dự định đi du lịch một ngày nào đó. Để gia đình không lo lắng, bạn để lại lời nhắn "tôi đi du lịch" bằng tiếng Nhật : tabi ni ikimasu. Nhưng cách viết như thế nào nếu bạn dùng những kí tự tượng hình đó ?

- A.** *Bạn không biết viết từng kí tự tượng hình nhưng bạn lại biết cách phát âm (đó là những âm được phối hợp lại với nhau chỉ có trong tiếng Hoa mà lại khác với tiếng Nhật của bạn), ví dụ như bạn viết :*

太比仁以幾末寸

太	Được phát âm là <i>ta</i> và có nghĩa là "mập"
比	Được phát âm là <i>hi</i> và có nghĩa là "so sánh"
仁	Được phát âm là <i>ni</i> và có nghĩa là "lòng nhân ái"
以	Được phát âm là <i>i</i> và có nghĩa là "có"
幾	Được phát âm là <i>ki</i> và có nghĩa là "vài"
末	Được phát âm là <i>ma</i> và có nghĩa là "cuối cùng"
寸	Được phát âm là <i>su</i> và có nghĩa là "đơn vị để đo khoảng hơn 30 cm"

Mỗi kí hiệu đều bớt đi nét chữ tượng hình để chỉ còn lại chữ phiên âm. Đó là cách biến đổi từ những kí tự tượng hình này tạo ra các nét chữ được gọi là hiragana và katakana.

太	Được biến đổi thành	た	Sau đó た
比	Được biến đổi thành	ひ	Sau đó ひ
仁	Được biến đổi thành	に	Sau đó に
以	Được biến đổi thành	い	Sau đó い
幾	Được biến đổi thành	き	Sau đó き
末	Được biến đổi thành	ま	Sau đó ま
寸	Được biến đổi thành	す	Sau đó す

Cách biến đổi này được hình thành trong giai đoạn chuyển tiếp, sau đó có giá trị sử dụng trong một thời gian rất lâu ở tiếng Nhật mà bạn chỉ dùng trong cách phát âm.

B. Hệ thống dấu tiên hơi dài đối với bạn: kí tự tượng hình có cách viết phức tạp ở mỗi âm tiết. Rất khó viết ! Bạn muốn viết được thì phải hiểu ý nghĩa của chúng qua từng nét chữ. Ví dụ: từ " du lịch" có nghĩa là "đi" tương ứng với từ 旅 và từ 行. Có hai cách viết mà ta cần nghiệm là:

a) Ta viết câu tiếng Nhật và dùng kí tự tượng hình của tiếng Nhật có cùng nghĩa với kí tự đó. Ví dụ: *tabi* = du lịch, bạn dùng kí tự 旅 và *iku* = đi, bạn dùng kí tự 行. Hai kí tự này có cùng ý nghĩa đó và sau đó ta thêm trạng ngữ ni và hậu tố của động từ bằng kiểu chữ hiragana (hay, ở phần đầu, ta dùng kiểu chữ Kanji của tiếng Nhật đã được biến đổi thành kiểu chữ hiragana):

旅に (に) 行き (幾) ま (末) す (寸)

b) Nếu bạn muốn viết nhanh, thì chọn cách này: nên viết trực tiếp sang tiếng Hoa: chỉ cần hai kí tự tượng hình 旅行 cách phát âm của chúng tương tự như tiếng Hoa, nhưng lại phù hợp với cách phát âm thông thường của tiếng Nhật, đó là : **RYOKO**

Hơn nữa tiếng Nhật ngày nay chỉ dùng từ này duy nhất để chỉ từ "du lịch". Từ *tabi* được dùng ở tiếng Nhật xưa. Một trong số những từ được dùng trực tiếp từ những từ mượn ở tiếng Hoa.

Đó là cách dùng chữ viết của tiếng Nhật mà chúng ta được thừa hưởng ở cách của tiếng Hoa. Đã nhiều thế kỷ nay, kí tự tượng hình tiếng Hoa có ảnh hưởng sâu xa đến tiếng Nhật và người Nhật đã có nhiều cố gắng để hệ thống chữ viết hoàn chỉnh và có tính cách gần như phối hợp các nét chữ.

Trở lại mẩu chuyện của chúng ta về lời nhắn của người đi du lịch

Trong trường hợp A, các kiểu chữ Nhật Kanji cho ra phiên âm của Kana. Trong trường hợp B, ta có những cách phát âm khác nhau cho mỗi kiểu chữ Nhật kanji. Trong khả năng của phần a).

kiểu chữ Nhật kanji này dùng để viết một từ thuộc bản xứ, ta gọi đó là cách đọc của kun. Trong từ điển của tiếng Nhật có kiểu chữ kanji, cách đọc kun được ghi chú bằng chữ hiragana theo qui định hay có dùng phiên âm bằng chữ thường in nghiêng. Chúng ta theo dõi ở đây cách dùng này. Có nhiều cách đọc kun cho cùng một kiểu chữ Nhật bắt chước tiếng Hoa, vì nhiều từ có thể tương ứng cùng ý nghĩa đó, hoặc cùng ý nghĩa đó có thể xuất hiện dưới dạng danh từ, động từ, tính từ . . .

Trong khả năng của phần b), kiểu chữ Nhật kanji được dùng bằng phiên âm tiếng Hoa phù hợp, ta gọi đó là cách đọc **ON**. Trong từ điển có kiểu chữ Nhật kanji, cách đọc **ON** được ghi chú bằng chữ katakana theo qui định hay có dùng phiên âm bằng chữ in hoa. Chúng ta theo dõi ở đây cách dùng này. Có nhiều cách đọc ON cho cùng một kiểu chữ Nhật kanji, vì các từ này có thể do người Nhật mượn ở nhiều thời kỳ khác nhau vào thời phát triển của Trung Quốc hay ở các vùng có dùng thổ ngữ trên đất nước Trung Quốc.

Câu hỏi đầu tiên của chúng ta là: làm thế nào để biết được một kiểu chữ kanji tiếng Nhật, khi nào phải đọc bằng cách của KUN và khi nào phải đọc bằng cách của **ON** ? Có một qui tắc nhỏ mà bạn cần phải hiểu để dùng trong việc đọc một kiểu chữ Nhật, bắt chước tiếng Hoa như sau không quá tuyệt đối và đôi hỏi phải hợp lý:

- Một từ được ghi bằng một kanji duy nhất thường là từ bản xứ, được phát âm bằng cách đọc **KUN**. Ngoại trừ những khái niệm không có trong tiếng bản xứ. Ví dụ : vì không có trong chữ viết trong tiếng Nhật, từ để chỉ "chữ" kanji 字 "chữ" có thể được dùng trong cách đọc **ON** và như vậy nó là một từ độc lập: ji = "chữ"

- Cách đọc **ON** được dùng cho những từ ghép. Khi một từ được kết hợp với nhiều kanji (thường là hai kanji) thì thường được phát âm bằng cách đọc **ON**. Có những từ ghép trong cách đọc **KUN**, nhưng rất ít. Thường thì ta không nhầm lẫn cùng một từ có cách đọc **KUN** và **ON**, nhưng có vài trường hợp ngoại lệ. Bạn sẽ dần dần thấy điều đó ở trong những bài học sau này, vì vậy chúng ta luôn tuân theo qui định của cách phát âm một cách thận trọng.

Chuyến du lịch đã chấm dứt ! . . . Bạn đã biết được sự phức tạp của hệ thống chữ viết hiện nay trong câu nói của tiếng Nhật có dùng kanji và Kana, những kanji cùng với nhiều cách đọc. Nên tập nói đơn giản với cách đọc của katakana đã có từ lâu khoảng từ thế kỷ thứ VIII đến IX, và cách đọc của hiragana đặc biệt ra đời vào khoảng cuối thế kỷ này dùng cho các từ mượn từ các nước ngoài, khác với từ của tiếng Hoa.

NGUYÊN TẮC CỦA CÁCH VIẾT CHỮ TRONG TIẾNG NHẬT

Cách viết chữ trong tiếng Nhật như thế nào ? Đó là câu hỏi cần thiết trước khi bạn bắt đầu tập viết tiếng Nhật. Có một số nét chữ mà bạn cần phân biệt, như ở cách viết của Kana, có thứ tự để viết những nét chữ của một kanji. Trước khi bắt đầu bạn cần biết và nguyên tắc chung:

- Hai nguyên tắc quan trọng không thể tránh được:

- Một kanji được viết từ trên xuống dưới:

一 二 三 言 言 言

一 十 土 产 青 吉 吉 南 直 喜

- Một kanji được viết từ trái sang phải

一 川 川

一 一 一 一 一 一 一 一

- Bốn nguyên tắc khác cũng rất cần thiết:

- Khi những nét ngang và những nét dọc giao nhau, ta viết những nét ngang trước (và luôn tuân thủ hai nguyên tắc đầu tiên):

一十

一 二 夫 夫

一 二 年 年 無 無 無 無

- Khi một kanji sắp xếp có đối xứng xung quanh một thành phần ở giữa, thì thành phần ở giữa này được viết trước:

丨 小 小

一 十 才 木

丨 白 白 白 治 治 治 準 樂 樂

- Một kanji có bốn nét, được viết bằng 3 nét (việc đếm nét chữ cũng rất quan trọng):

丨 口 口 丨 冂 口

Khi có những nét khác, ở bên trong nét chữ vuông, nét cuối của chữ vuông luôn được viết sau cùng:

丨 冂 冂 冂 冂 冂 冂